

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TÔ VĂN KHÔI

**QUẢN LÝ DẠY HỌC THỰC HÀNH NGHỀ
(HỆ TRUNG CẤP) Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN – 2008

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TÔ VĂN KHÔI

**QUẢN LÝ DẠY HỌC THỰC HÀNH NGHỀ
(HỆ TRUNG CẤP) Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC
MÃ SỐ: 60.14.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn: PGS.TS ĐẶNG THÀNH HƯNG

THÁI NGUYÊN - 2008

MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trường Cao đẳng công nghiệp Thái Nguyên được thành lập theo Quyết định số 5618 /QĐ/BGD & ĐT ngày 09 tháng 10 năm 2006 với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ Cao đẳng kỹ thuật, kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn: Trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề gồm các ngành chủ yếu: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật điện, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật điện tử, công nghệ cơ khí động lực, công nghệ kỹ thuật may, là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong cả nước đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc. Hiện nay nhà trường đào tạo đa cấp học, đa ngành nghề gồm: Cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề. Qui mô đào tạo hiện nay gồm gần 4000 học sinh, sinh viên, trong đó số học nghề chiếm phần lớn.

Đứng trước những yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao về nguồn nhân lực, vấn đề đào tạo công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội đang trở thành vấn đề quan trọng và cấp bách của các cơ sở đào tạo nghề. Nhằm góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X là: *“Sớm đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”*. Mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp trong Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 đã chỉ rõ: *“đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng dạy nghề gắn với nâng cao ý thức kỷ luật lao động và tác phong lao động hiện đại. Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng, gắn việc làm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất”, “Con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong*

thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần tạo sự chuyển biến cơ bản toàn diện về giáo dục, trong đó ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực”.

Tại Nghị quyết số 37/2004/QH 11 khoá XI kỳ họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục đào tạo cũng chỉ rõ *“Chất lượng giáo dục còn nhiều yếu kém, bất cập, hiệu quả giáo dục còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước, công tác quản lý giáo dục còn nhiều hạn chế. Những tiêu cực trong giáo dục như thiếu trung thực trong học tập, dạy thêm, học thêm tràn lan mang tính áp đặt, thi cử nặng nề, tốn kém... gây bức xúc trong xã hội”.*

Trước tình hình này, nhiều năm qua nhà trường đã có một số giải pháp trong công tác quản lý hoạt động dạy nghề nói chung và quản lý dạy học thực hành nghề nói riêng nhưng chưa có cơ sở lý luận, chưa mang tính hệ thống. Điều đó đặt ra cho nhà trường phải xem xét một cách tổng thể việc tổ chức, quản lý dạy thực hành, đặc biệt là thực hành nghề cho học sinh trung cấp. Vấn đề ở đây là quản lý dạy học thực hành hệ trung cấp chưa thực sự phù hợp với hệ này, ngay từ quan niệm cho đến cách làm. Do đặc thù của hệ trung cấp nghề nên các biện pháp quản lý dạy học thực hành phải khác với quản lý ở hệ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp. Chính vì lý do đó tôi đã chọn và nghiên cứu đề tài: **“Quản lý dạy học thực hành nghề (hệ trung cấp) ở trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên”.**

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Xây dựng một số biện pháp quản lý dạy học thực hành nghề đáp ứng được đặc thù của hệ trung cấp nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường CĐCN Thái Nguyên hiện nay.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác quản lý dạy học thực hành nghề (hệ trung cấp) của trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý dạy học thực hành nghề (hệ trung cấp) của trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Nếu những biện pháp quản lý dạy học thực hành nghề bảo đảm tính đồng bộ với quá trình quản lý dạy học và quản lý đào tạo của nhà trường, có tính thực tiễn, phù hợp với điều kiện của trường thì kết quả dạy học sẽ được cải thiện.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1. Xác định cơ sở lý luận việc quản lý hoạt động dạy học thực hành nghề ở hệ trung cấp nghề tại trường CĐCN Thái Nguyên

5.2. Đánh giá thực trạng quản lý dạy học thực hành nghề(hệ trung cấp) ở trường CĐCN Thái Nguyên hiện nay.

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý dạy học thực hành nghề (hệ trung cấp) của Trường CĐCN Thái Nguyên.

5.4. Tổ chức lấy ý kiến thẩm định kết quả nghiên cứu

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

6.1. Khảo sát thực trạng công tác quản lý dạy học thực hành nghề được thực hiện ở tất cả các lớp hệ trung cấp nghề đang đào tạo tại trường CĐCN Thái Nguyên.

6.2. Các biện pháp quản lý dạy học thực hành nghề được đề xuất để áp dụng cho Giám hiệu và các cán bộ quản lý đào tạo của hệ trung cấp nghề ở trường CĐCN Thái Nguyên.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

- Nghiên cứu đường lối chính sách của Đảng và nhà nước về công tác dạy nghề

- Nghiên cứu lý luận về công tác quản lý dạy thực hành nghề.
- Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến quản lý dạy thực hành nghề.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Quan sát sư phạm
- + Dự giờ lên lớp của một số lớp thực hành nghề
- + Tìm hiểu những điều kiện dạy học thực hành nghề ở trường
- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm quản lý hoạt động thực hành nghề qua các báo cáo thực hiện nhiệm vụ dạy nghề của trường, của ngành giáo dục và đào tạo.
- Toạ đàm: Tổ chức hội thảo khoa học về” Đổi mới công tác quản lý và giảng dạy thực hành nghề”.
- Điều tra bằng phiếu hỏi: Thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh.

7.3. Các phương pháp khác

- Phương pháp sử dụng thống kê toán học: thu thập xử lý các thông tin số liệu điều tra và nghiên cứu các hồ sơ thống kê.
- Phương pháp chuyên gia: lấy ý kiến các nhà quản lý, các giáo viên có nhiều kinh nghiệm, ý kiến của học sinh nhằm thẩm định các biện pháp quản lý đã đề xuất.

8. CẤU TRÚC LUẬN VĂN

Mở đầu

Chương 1: Cơ sở lý luận của việc quản lý dạy học thực hành nghề ở trường CĐCN

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý dạy học thực hành nghề (hệ trung cấp) tại trường CĐCN Thái Nguyên.

Chương 3: Một số biện pháp quản lý dạy học thực hành nghề ở trường CĐCN Thái Nguyên.

Kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo & phần Phụ lục.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC QUẢN LÝ
DẠY HỌC THỰC HÀNH NGHỀ Ở TRƯỜNG CĐCN

1.1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

1.1.1. Đặc trưng đào tạo nghề ở một số nước

Tuỳ thuộc vào điều kiện, trình độ phát triển kinh tế xã hội, khoa học công nghệ và văn minh của mỗi quốc gia mà việc hình thành các hệ thống giáo dục- đào tạo, hệ thống dịch vụ việc làm và hệ thống sử dụng quản lý lao động xã hội ở mỗi nước khác nhau.

1.1.1.1. Hoa Kỳ

- Đào tạo công nhân được tiến hành trong các trường THPT phân ban, các trường dạy nghề trung học, các cơ sở đào tạo sau trung học.
- Tốt nghiệp được cấp bằng chứng nhận và chứng chỉ công nhân lành nghề và có quyền được đi học tiếp theo.
- Thời gian đào tạo từ 2 - 7 năm tuỳ từng nghề.

1.1.1.2. Đài Loan

- Học sinh tốt nghiệp Trung cấp cơ sở học tại trường trung cấp nghề ra trường được công nhận là công nhân lành nghề.
- Học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề và công nhân lành nghề được học tiếp theo ở bậc cao đẳng, tốt nghiệp được cấp bằng kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật bậc cao và có quyền học tiếp lên đại học.

1.1.1.3. Cộng hoà liên bang Đức

Có hệ thống đào tạo nghề và TCCN, về mặt trình độ một bộ phận được xếp vào bậc trung học tương đương với THPT từ lớp 9 đến lớp 13, một bộ phận cao hơn vào bậc sau trung học.

1.1.1.4. Liên Xô (trước đây)

- Công tác đào tạo nghề ở Liên xô đã có truyền thống từ lâu đời là đào tạo tại xí nghiệp. Tháng 7 năm 1920 Lê Nin đã ký sắc lệnh” về chế độ học tập kỹ thuật-nghề nghiệp”, sắc lệnh này bắt buộc đối với mọi người từ 18 đến 40 tuổi. Việc đào tạo rất đa dạng đó là dạy nghề cạnh xí nghiệp và trường dạy nghề. Các trường dạy nghề và trường cạnh xí nghiệp với thời gian học tập khác nhau: 2 năm đào tạo công nhân bậc 3 và 4; 2 năm rưỡi và 3 năm đào tạo công nhân bậc 5 và 6; 3 năm và 4 năm đào tạo công nhân lành nghề bậc cao.

- Giai đoạn1: Đào tạo lý thuyết và thực hành cơ bản tại cơ sở đào tạo của xí nghiệp.

- Giai đoạn 2: Đào tạo thực hành tại vị trí làm việc dưới sự hướng dẫn của thợ cả hoặc hướng dẫn viên thực hành.

Trên thế giới, hầu hết các nước đều bố trí hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề bên cạnh hệ phổ thông và đại học. Trung Quốc có hệ thống GDCN gồm 3 trình độ dạy nghề sơ trung, dạy nghề cao trung và trung cấp chuyên nghiệp. Dạy nghề sơ trung tương đương với sơ trung phổ thông hay THCS ở nước ta, Dạy nghề cao trung tương đương với cao trung phổ thông hay THPT ở nước ta. TCCN chia làm 2 trình độ: Cao trung và sau cao trung 2 năm

1.1.2. Tình hình đào tạo Việt Nam

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam được hình thành trên 50 năm. Điều 32 Luật giáo dục năm 2005 qui định giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện từ 3 đến 4 năm đối với người tốt nghiệp trung học cơ sở, từ 1 đến 2 năm đối với người tốt nghiệp phổ thông

trung học và dạy nghề dưới 1 năm đối với sơ cấp và từ 1 đến 3 năm đối với trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

Qua phân tích đặc trưng của một số nước về hệ thống giáo dục nghề nghiệp ta thấy hệ thống giáo dục nghề nghiệp được hình thành do yêu cầu của thị trường lao động và do nhu cầu hoạt động nghề nghiệp, nhu cầu việc làm của người lao động trong xã hội. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp là cung cấp cho xã hội, cho thị trường lao động những kỹ thuật viên trung cấp và công nhân kỹ thuật trung cấp và công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ có trình độ cao, năng lực hành nghề thể hiện ở các kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm làm việc được đào tạo trong các cơ sở đào tạo. Hình thức đào tạo nghề nghiệp phong phú và đa dạng: Đào tạo dài hạn và đào tạo ngắn hạn; đào tạo chính quy và đào tạo không chính quy; đào tạo tại các trường hay các trường hay các trung tâm dạy nghề. Đặc trưng nổi bật của hệ thống nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kỹ năng, kỹ xảo hành nghề trên cơ sở nắm vững lý thuyết. Do đó vấn đề dạy thực hành, luyện tập kỹ năng là những hoạt động cốt lõi trong quá trình đào tạo. Sức mạnh của hệ thống giáo dục nghề nghiệp và chất lượng đào tạo cao là sự đảm bảo hoạt động có hiệu quả của thị trường lao động. Đó cũng là cơ sở để thị trường lao động có thể thực hiện được các qui luật cung cầu, qui luật giá trị và qui luật cạnh tranh.

1.2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

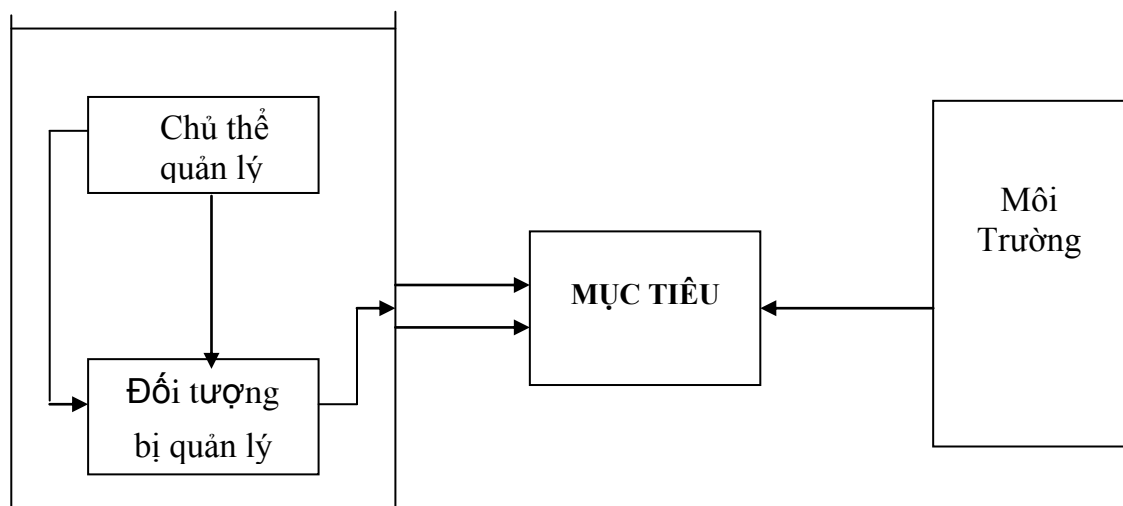
1.2.1. Quản lý và Quản lý giáo dục

Có nhiều định nghĩa khác nhau về *khái niệm quản lý*. Theo Hà Thế Ngữ và Đặng Vũ Hoạt, “Quản lý là một quá trình định hướng, quá trình có mục tiêu, quản lý có hệ thống là quá trình tác động đến hệ thống nhằm đạt được những mục tiêu nhất định. Những mục tiêu này đặc trưng cho trạng thái mới của hệ thống mà người quản lý mong muốn” [21]. Hà Sỹ Hồ cho rằng: “Quản lý là một quá trình tác động có định hướng (có chủ đích) có tổ chức, lựa chọn

trong các tác động có thể có dựa trên các thông tin về tình trạng của đối tượng và môi trường, nhằm giữ cho sự vận hành của đối tượng được ổn định và làm cho nó phát triển tới mục đích đã định ” [16]. Theo Nguyễn Văn Lê: “ Quản lý là một công việc vừa mang tính khoa học vừa mang tính nghệ thuật ”. Ông viết “ Quản lý một hệ thống xã hội là khoa học và nghệ thuật tác động vào hệ thống đó mà chủ yếu là vào những con người nhằm đạt hiệu quả tối ưu theo mục tiêu đề ra” [20]

Khái niệm quản lí phản ánh một dạng lao động trí tuệ của con người có chức năng bảo đảm và khuyến khích những nỗ lực của những người khác để thực hiện thành công công việc nhất định. Quản lý là công tác phối hợp có hiệu quả hoạt động của những người cộng sự khác cùng chung một tổ chức... Quan niệm hiện đại về quản lí thừa nhận đó là toàn bộ các hoạt động huy động, tổ chức, thực thi các nguồn lực vật chất và tinh thần, sử dụng chúng nhằm tác động và gây ảnh hưởng tích cực đến những người khác để đạt được những mục tiêu của tổ chức hay cộng đồng [28].

Hình 1.1. Sơ đồ logic của khái niệm quản lý



Từ những điểm chung của các quan niệm trên có thể hiểu: